

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 37/2024/KTST ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH V. Địa chỉ trụ sở: Số E đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Thiệu Văn Anh T, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Công Bình P, ông Nguyễn Hoàng Q. Địa chỉ: Số A đường H, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2024).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1. Địa chỉ trụ sở: Số B đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung T1, sinh năm 1989.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A - A đường N, phường T Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2006/2024/GUQ-NL ngày 20/6/2024).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công Ty TNHH V và Công Ty Cổ phần Đ1 có ký kết hợp đồng dịch vụ số 057/20220711/HDDV/NL-TK ngày 11/7/2022 và Hợp đồng nguyên tắc số 097/20221001/HĐNT/NL-TK ngày 01/10/2022.

Tính đến ngày 18/7/2024, Công Ty Cổ phần Đ1 còn nợ tổng số tiền nợ gốc của 02 (hai) Hợp đồng trên là 582.282.000 đồng.

Công Ty Cổ phần Đ1 cam kết thanh toán cho Công Ty TNHH V với phương án như sau:

Nam Land phải thanh toán cho Công Ty TNHH V tổng số tiền nợ gốc 582.282.000 VNĐ, bao gồm 285.552.000 VNĐ phát sinh theo Hợp đồng 057 và số tiền 296.730.000 VNĐ phát sinh theo Hợp đồng 097.

Lịch thanh toán: Công Ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho Công Ty TNHH V mỗi tháng 50 triệu đồng vào ngày 15 mỗi tháng kể từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi hết nợ số tiền gốc nêu trên. Cụ thể:

STT	Thời hạn thanh toán	Số tiền thanh toán
1	Ngày 15/11/2024	50.000.000 VNĐ
2	Ngày 15/12/2024	50.000.000 VNĐ
3	Ngày 15/01/2025	50.000.000 VNĐ
4	Ngày 15/02/2025	50.000.000 VNĐ
5	Ngày 15/03/2025	50.000.000 VNĐ
6	Ngày 15/04/2025	50.000.000 VNĐ
7	Ngày 15/05/2025	50.000.000 VNĐ
8	Ngày 15/06/2025	50.000.000 VNĐ
9	Ngày 15/07/2025	50.000.000 VNĐ
10	Ngày 15/08/2025	50.000.000 VNĐ
11	Ngày 15/09/2025	50.000.000 VNĐ
12	Ngày 15/10/2025	32.282.000 VNĐ
Tổng số tiền phải thanh toán		582.282.000 đồng

Nếu Công Ty Cổ phần Đ1 thanh toán trễ hạn bất kỳ đợt thanh toán nào theo lịch thanh toán, Công Ty TNHH V có quyền yêu cầu Công Ty Cổ phần Đ1 thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn lại theo nguyên tắc toàn bộ nợ gốc còn lại đến hạn vào ngày Công Ty Cổ phần Đ1 thanh toán trễ hạn đối với số tiền chậm thanh toán.

Nếu Công Ty Cổ phần Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo lịch thanh toán này, Công Ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho Công Ty TNHH V với lãi suất 10%/năm tính từ ngày chậm trả đến ngày thanh toán trên thực tế đối với số tiền chậm thanh toán.

III. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Số tiền 13.645.640 đồng nguyên đơn Công Ty TNHH V tự nguyện chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công Ty TNHH V đã nộp là 14.782.576 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019169

ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. H lại cho Công Ty TNHH V số tiền 1.136.936 đồng.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

VI. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

VII. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm P1